

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về ngoại giao và sự vận dụng ở Việt Nam

Vũ Thị Hoà¹

¹ Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường.
Email: vuhoa777@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 10 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 1 năm 2019.

Tóm tắt: Nội dung chủ yếu trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn là sợi chỉ đỏ định hướng hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam trong quá trình đấu tranh cách mạng cũng như trong thời kỳ đổi mới. Nhờ đó, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh; nhờ đó, Việt Nam đã mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển đất nước.

Từ khóa: Ngoại giao, Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: The main content in Ho Chi Minh's thought on diplomatic relations between Vietnam and powers in the world is the lodestar that guides the activities of external relations of the Communist Party and the State of Vietnam both in the process of revolutionary struggle and the renovation period. As a result, the country has reaped many great achievements in socio-economic development. In the renovation period, the Communist Party of Vietnam has creatively applied Ho Chi Minh Thought, thanks to which the country has expanded its foreign relations, maintaining independence, sovereignty and territorial integrity, and accelerating its development process.

Keywords: Diplomacy, Ho Chi Minh, the Communist Party of Vietnam.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, có tư tưởng về quan hệ ngoại giao giữa Việt

Nam với các nước lớn. Tư tưởng này đã góp phần tích cực vào việc mở ra các mối quan hệ hoà bình, hữu hảo giữa Việt Nam và các nước trên thế giới; qua đó Việt Nam

đã tranh thủ được sự ủng hộ của dư luận tiến bộ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng về quan hệ giữa Việt Nam với các nước lớn, tiếp tục là kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay. Bài viết này góp phần làm rõ thêm tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

2. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn

Thứ nhất, Việt Nam cần độc lập, tự chủ, tự cường trong quan hệ với các nước lớn, theo Hồ Chí Minh, trong quan hệ với các nước lớn, Việt Nam cần phải độc lập, tự chủ, tự cường. Hồ Chí Minh từng nói: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” [7, t.4, tr.131]. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân Việt Nam đã thể hiện quyết tâm sẵn sàng hy sinh để thực hiện mục tiêu và khát vọng của toàn dân tộc, đó là: độc lập, tự do, hòa bình và thống nhất đất nước. Trong tư tưởng ngoại giao của Người, độc lập, tự do chính là mục tiêu không thể thay đổi. Do đó, khi thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước lớn, Hồ Chí Minh luôn giữ vững lập trường độc lập, tự do. Người cho rằng: “Có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do” [7, t.5, tr.553]; “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào” [7, t.5, tr.162]; “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã” [7, t.2, tr.320].

Theo Hồ Chí Minh, Việt Nam cần độc lập, tự chủ, tự cường trong quan hệ ngoại giao với các nước lớn. Điều đó không có nghĩa rằng, chúng ta tự cô lập, tách rời dân tộc với thế giới. Độc lập, tự chủ, tự cường phải gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế, phải tập hợp lực lượng để phát huy sức mạnh tổng hợp. Khi trả lời phỏng vấn của các nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh nói: “Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn” [7, t.4, tr.147].

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhằm ngăn chặn chính sách “Hoa quân nhập Việt” của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh sang Trung Quốc và tham gia tổ chức Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội để tìm kiếm đồng minh kháng Nhật, cứu nước. Đây là những hoạt động khởi đầu trong mối quan hệ Việt - Trung thời kỳ bấy giờ, là quyết định táo bạo, thể hiện chiến lược hợp tác và đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh.

Ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, trong đó Người khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập” [7, t.4, tr.3]. Thông qua *Tuyên ngôn độc lập*, Người cũng muốn tuyên bố với thế giới về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh tiếp tục nêu cao quan điểm độc lập, tự chủ tự cường trong quan hệ quốc tế. Cũng trong thời gian này, Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ về cả vật chất và tinh thần của hai nước lớn trong khối xã hội chủ nghĩa là Liên Xô và Trung Quốc. Ngày 18/1/1950, Hồ Chí Minh trực tiếp đến thăm và làm việc tại Trung Quốc. Tại đây, hai nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp

đại sứ. Ngày 30/1/1950, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân lần lượt công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Sau khi Liên Xô và Trung Quốc xảy ra bất đồng, Hồ Chí Minh đã thực hiện nhiều hoạt động đoàn kết quốc tế nhằm duy trì quan hệ với cả hai nước này. Hồ Chí Minh đã khéo léo xử lý những bất đồng trong quan hệ với các nước lớn, giữ vững tình đoàn kết hữu nghị với các nước lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là thành công quan trọng của Hồ Chí Minh trong hoạt động ngoại giao với các nước lớn.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hồ Chí Minh tiếp tục chủ trương thực hiện chiến lược ngoại giao độc lập, tự chủ, tự cường và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Liên Xô và Trung Quốc. Thông qua đó, nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam được giữ vững, quan hệ đối ngoại của Việt Nam không ngừng mở rộng. Đồng thời, trên cơ sở nhất quán mục tiêu đối ngoại độc lập, tự chủ, sẵn sàng mở rộng quan hệ với tất cả các nước, đặc biệt là với các nước lớn, Hồ Chí Minh đã khai thác triệt để mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ với các đồng minh của Mỹ, giữa phái chủ chiến với phái chủ hòa và các tập đoàn có lợi ích khác nhau trong giới cầm quyền Mỹ; tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân Mỹ và các lực lượng tiến bộ khác để xây dựng một mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết và ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Thứ hai, Việt Nam cần có quan hệ về hoà bình và hợp tác với các nước lớn. Trong ngoại giao với các nước lớn, Hồ Chí Minh luôn giữ nguyên tắc cao ngạo chờ hòa bình, thiện chí, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước với phương châm “thêm bạn, bớt thù”. Trước năm 1945, Hồ Chí Minh có nhiều hoạt động quốc tế để tìm kiếm đồng minh cho cách mạng Việt Nam. Người đã khéo léo tận dụng mâu thuẫn trong quan hệ Mỹ -

Anh - Pháp về vấn đề thuộc địa ở Đông Dương để tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện chiến lược ngoại giao hòa bình (lúc đầu, hòa với Tưởng Giới Thạch để chống Pháp, sau đó là hòa với Pháp để đấu tranh buộc Tưởng Giới Thạch rút quân về nước). Khi Pháp xâm lược Việt Nam, Hồ Chí Minh vẫn mong muốn xây dựng quan hệ hữu nghị, hòa bình với Pháp trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau. Người đã nhiều lần nhân nhượng Pháp, kể từ Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) đến Tạm ước (19/4/1946), để giữ gìn nền hòa bình mong manh. Đối với nhân dân Pháp, Người bộc bạch: “Cả đời mình, tôi đã đấu tranh chống lại thực dân Pháp, nhưng mà tôi luôn yêu quý và khâm phục nhân dân Pháp. Đây là một dân tộc vĩ đại, thông minh và rộng lượng. Họ là những người đầu tiên đưa ra những nguyên tắc cao cả về tự do, bình đẳng và bác ái. Nhân dân Việt Nam đã và đang tiếp tục đấu tranh để thực hiện những nguyên tắc đó” [7, t.4, tr.361]. Người luôn mong muốn cộng tác với dân tộc Pháp như anh em vì nền hòa bình, tự do, bác ái.

Với Mỹ, Hồ Chí Minh luôn cố gắng thiết lập quan hệ hữu nghị Việt - Mỹ, tìm mọi cách xây dựng môi trường hòa bình. Song, trước tình hình Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu xâm lược Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ hòa bình, thống nhất non sông. Người khẳng định: “Mỹ âm mưu gây chiến, cho nên chúng ta phải kiên quyết chống Mỹ để giữ gìn hòa bình” [7, t.10, tr.92]. Trong thư gửi những người đứng đầu 70 nước, Hồ Chí Minh đã trình bày chi tiết tình hình chiến tranh ở Việt Nam và khẳng định lập trường trước sau như một với Chính phủ Mỹ. Người viết: “Nếu Chính phủ Mỹ thật muốn giải quyết hoà bình, thì

họ phải công nhận lập trường 4 điểm của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và chứng tỏ điều đó bằng việc làm thật sự; phải chấm dứt vĩnh viễn và vô điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” [7, t.15, tr.34]. Năm 1967, khi tương quan lực lượng trên chiến trường Đông Dương có lợi cho Việt Nam, Hồ Chí Minh đã chủ động tạo cục diện “vừa đánh, vừa đàm” với Mỹ, mở đầu cuộc đàm phán Paris, chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng có sự phân biệt rõ bạn và thù của cách mạng Việt Nam. Trong *Thư gửi nhân dân Mỹ* (1/1961), Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhân dân Mỹ và nhân dân Việt Nam không thù không oán. Nhân dân Việt Nam kính trọng các bạn là một dân tộc đầu tiên đã phát cờ chống chủ nghĩa thực dân (1775-1783) và chúng tôi mong muốn có quan hệ hữu nghị với các bạn” [7, t.13, tr.307]. Với tấm lòng nhân ái, khoan dung, Hồ Chí Minh đã tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ khắp thế giới, bao gồm cả nhân dân Pháp và Mỹ trong cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do và hòa bình.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Hồ Chí Minh đã khẳng định với toàn thế giới: “Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hoà bình” [7, t.5, tr.39]. Trong mọi trường hợp, Hồ Chí Minh luôn đặt tư tưởng hòa bình là tư tưởng chủ đạo, chiến tranh chỉ là biện pháp cuối cùng để giữ gìn độc lập dân tộc. Với Pháp, Người mong muốn hợp tác hòa bình với dân tộc Pháp, thậm chí sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với Chính phủ Pháp sau khi chiến tranh kết thúc. Hồ Chí Minh cũng mong muốn có

quan hệ hữu nghị với Mỹ. Người cho rằng, để giữ gìn độc lập dân tộc và hòa bình của nhân loại, cần phải tăng cường quan hệ quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, coi hòa bình là tiêu chí đầu tiên trong mọi cuộc đàm phán, giải quyết xung đột với các nước lớn. Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, đề cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới” [7, t.13, tr.307]. Hồ Chí Minh luôn tìm mọi cách để giữ gìn môi trường hòa bình, sẵn sàng đàm phán, thương lượng với Pháp, Mỹ để giải quyết vấn đề chiến tranh. Người tin rằng đàm phán trong hòa bình là “vũ khí sắc bén” để hoàn thành mục tiêu độc lập, tự do; sử dụng tư tưởng hòa bình, khoan dung với kẻ thù để kết thúc chiến tranh, hạn chế tổn thất cho các bên là điều cần thiết trong ngoại giao.

Thứ ba, Việt Nam cần kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh dân tộc bắt nguồn từ các yếu tố vật chất, tinh thần, truyền thống và hiện đại, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. Đây là những nhân tố đặc biệt quan trọng trong ngoại giao với các nước lớn, quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, không phải bao giờ yếu tố ngoại lực và nội lực cũng được nhận thức một cách đầy đủ. Sự sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức cũng dẫn đến sự trì trệ trong quá trình phát triển.

Trong quá khứ, sự sùng ngoại cuối thời Trần, sự bài ngoại cuối thời Nguyễn đã từng làm đất nước và dân tộc rơi vào tình trạng suy yếu và thất bại trước sự xâm lược của ngoại bang. Phát huy sức mạnh nội lực trước hết là phát huy sức mạnh của tập thể,

cộng đồng. Sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam là nguồn lực nội sinh quan trọng; nó luôn được coi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối, chiến lược của Đảng trong chiến tranh cũng như trong đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước. Sức mạnh thời đại là những yếu tố “ngoại lực”; có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho “nội lực”; là điều kiện không thể thiếu trong chiến lược đối ngoại của Việt Nam. Hồ Chí Minh cho rằng, cần phải đưa phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đi theo quỹ đạo cách mạng vô sản, đưa dân tộc Việt Nam hội nhập với trào lưu chung của thời đại. Mục tiêu của Đảng Cộng sản Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta không tách rời mà gắn liền với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại đã trở thành quy luật của cách mạng Việt Nam, góp phần làm cho Việt Nam trở thành nước độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, sức mạnh thời đại còn bao hàm cả hòa bình (nhân tố đảm bảo cho các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu và ổn định). Sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại khi kết hợp sẽ tạo ra nguồn lực to lớn, góp phần đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thách thức.

Trên đây là ba nội dung chủ yếu trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn. Với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh đã tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân các nước trong khối xã hội chủ nghĩa, nhân dân Pháp, Mỹ, những người yêu chuộng hòa bình trên toàn thế

giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam.

3. Vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đối với tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng thành công trong quá trình đổi mới. Điều đó thể hiện ở những điểm sau. *Một là*, quán triệt tư tưởng của Hồ Chí Minh, Đại hội Đảng VI (12/1986) đã đưa ra chủ trương, chính sách đối ngoại đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Việt Nam tiếp tục tăng cường và hợp tác toàn diện với Liên Xô như “hòn đá tảng” trong chính sách đối ngoại. Với Mỹ, Việt Nam chủ trương không đối đầu và từng bước cải thiện quan hệ giữa hai nước. Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương: “Tiếp tục bàn bạc với Mỹ giải quyết vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ vì lợi ích hòa bình, ổn định của Đông Nam Á” [7, t.6, tr.331]. Với các nước lớn trong khối tư bản chủ nghĩa, Việt Nam kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình và hữu nghị. Tích cực ủng hộ chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, loại trừ chiến tranh xâm lược và hình thức khủng bố [2, tr.108]. Trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam cũng hướng đến mục tiêu vì lợi ích nhân dân hai nước và hoà bình trong khu vực. Đại hội Đảng VI khẳng định: “Sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở nơi đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, vì

lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới” [2, tr.105].

Tháng 5/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 13 (khóa VI) về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại của Việt Nam trong tình hình mới. Trong đó, nhấn mạnh vấn đề điều chỉnh chiến lược đối ngoại: lấy hòa bình và phát triển làm chuẩn mực trong mọi hoạt động quốc tế; chủ động chuyển sang giai đoạn đấu tranh mới dưới hình thức cùng tồn tại hòa bình với các nước láng giềng, khu vực, kiên quyết mở rộng quan hệ quốc tế, quyết tâm tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ với các nước lớn [2, tr.107].

Những điều chỉnh về mục tiêu chiến lược trong quan hệ với các nước lớn của Đại hội Đảng VI là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh; theo đó, Việt Nam kiên trì mục tiêu độc lập, tự chủ, tự cường trên tinh thần “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đặt nền tảng cho việc thực thi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở theo phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, chú trọng quan hệ với các nước lớn.

Hai là, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội Đảng VII (6/1991) nhấn mạnh, Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Trên cơ sở đó, Việt Nam tiếp tục kiên trì củng cố và mở rộng quan hệ hữu nghị với Trung Quốc, và coi đây là yêu cầu chiến lược trong chính sách đối ngoại của mình; phát triển quan hệ với Liên Xô; thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Mỹ; tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước lớn tự bản chủ nghĩa theo hướng có chọn lọc và tích cực tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực.

Tháng 9/1990, diễn ra cuộc gặp gỡ không chính thức ở Thành Đô (Trung Quốc) đánh dấu bước đầu cải thiện mối

quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Ngày 5/11/1991, hai bên tuyên bố bình thường hóa quan hệ, đây là khởi động quan trọng để tái lập quan hệ hữu nghị giữa hai nước. Điều đó thể hiện là vận dụng sáng tạo phương châm “thêm bạn, bớt thù”, hòa bình, hợp tác bình đẳng trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh của Việt Nam. Cũng trong thời gian này, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã có những bước tiến triển. Tháng 4/1991, Việt Nam và Hoa Kỳ tiến hành đàm phán và đưa ra lộ trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Tháng 4/1992, Hoa Kỳ nói lời long lệnh cấm vận với Việt Nam; góp phần tạo điều kiện cho Việt Nam tham gia vào các tổ chức khu vực, quốc tế, từng bước mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa. Đặc biệt, tháng 7/1995, Hoa Kỳ tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, chuyển hướng quan hệ đối ngoại song phương từ đối đầu thù địch sang đối thoại hợp tác.

Đại hội Đảng VIII (6/1996) xác định rõ hơn phương hướng đối ngoại với các nước lớn trong tình hình mới. Đó là: khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác về nhiều mặt với Trung Quốc; từng bước đổi mới quan hệ với Liên bang Nga; bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ; tiếp tục duy trì và tạo môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực và thế giới. Năm 2001, Tuyên bố chung về hợp tác chiến lược Liên bang Nga và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký kết. Đây là văn bản đánh dấu quá trình hình thành khuôn khổ hợp tác chiến lược của hai nước trong tình hình mới.

Đại hội Đảng IX (4/2001) nhấn mạnh: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các

nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [8, tr.18]. Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục kiên trì và giữ vững phương châm đối ngoại hữu nghị (mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và thế giới, chú trọng quan hệ với các nước lớn trên cơ sở Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy). Điều này đã tạo cơ hội cho Việt Nam phát triển và đưa quan hệ đối ngoại với các nước lớn đi vào chiều sâu.

Đại hội Đảng X (2006) khẳng định rằng, nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội [3, tr.119]. Hòa bình trong tư tưởng Hồ Chí Minh với các nước lớn chính là hòa bình trong độc lập, tự do và thống nhất; hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi. Trên cơ sở đó, đối ngoại Việt Nam đã linh hoạt trong xử lý các vấn đề phức tạp, nhạy cảm trong quan hệ với các nước lớn, góp phần khai thông quan hệ quốc tế, tạo dựng và củng cố môi trường hòa bình, ổn định cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc.

Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương: “Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” [4, tr.112]. Đây là đường lối đúng đắn nhằm giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của Việt Nam; góp

phần tích cực vào công cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội Đảng XII đưa ra nhiệm vụ đối ngoại trong những năm tiếp theo. Đó là: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” [5, tr.72].

Trong quan hệ từng nước lớn, Việt Nam đã đưa ra lộ trình hợp tác phù hợp. Với Trung Quốc, Việt Nam tiếp tục quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện theo phương châm được lãnh đạo hai nước thông qua (láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai); học tập kinh nghiệm cải cách, mở cửa của Trung Quốc; thiết lập và nâng cao hiệu quả hợp tác trên mọi lĩnh vực, các vấn đề liên quan đến chủ quyền biên giới trên bộ và trên biển bằng thương lượng; đàm phán hòa bình, tuân thủ luật pháp quốc tế về bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Với Hoa Kỳ, Việt Nam tiếp tục phát triển quan hệ song phương, chuẩn bị thiết lập nền tảng cho một mối quan hệ lâu dài, chiến lược. Sau chuyến thăm Hoa Kỳ đầu tiên của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (6/2007), các doanh nghiệp hàng đầu thế giới của Mỹ đã đẩy mạnh buôn bán, đầu tư vào Việt Nam. Hiện nay, Hoa Kỳ là một trong những nước đầu tư lớn nhất tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký lên đến 9,8 tỷ USD. Năm 2015, Hoa Kỳ xếp thứ 7 trên tổng số 101 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với khoảng 22 tỷ USD, chiếm 45,6 % tổng số vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam [6, tr.153]. Với Nga, Việt Nam và Nga nhất trí nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 7 tỷ USD vào năm 2015 và 10 tỷ USD vào

năm 2020 [9, tr.256]; thực hiện Hiệp định thương mại tự do với Liên minh kinh tế Á - Âu (đã được ký kết ngày 29/9/2015), mang lại sự bùng nổ thương mại Nga - Việt. Với Ấn Độ và Nhật Bản, Việt Nam chủ động thiết lập quan hệ đối tác ổn định, lâu dài và toàn diện, nâng mối quan hệ giữa Việt Nam với hai nước này lên tầm “đối tác chiến lược”, tạo “thế” và “lực” mới trong quan hệ đối ngoại. Cụ thể, ngày 6/7/2007, Việt Nam và Ấn Độ chính thức thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược. Đây là sự kiện đánh dấu bước phát triển về chất trong quan hệ song phương Việt - Ấn, tạo tiền đề mở đường cho sự phát triển sâu rộng quan hệ hai nước trong tương lai. Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ với tất cả các nước lớn; tham gia vào 70 tổ chức khu vực và quốc tế; có quan hệ thương mại với 230 thị trường; ký kết trên 90 hiệp định thương mại tự do song phương; thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Từ chỗ còn nhiều cách biệt với thế giới, hiện nay Việt Nam đã tham gia hầu hết các thiết chế liên kết khu vực và toàn cầu (như WTO, ASEAN, ASEM, APEC...). Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 186 nước trên thế giới, có quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước (trong đó 4 nước là Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc); có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 10 nước trên thế giới [9, tr.137].

4. Kết luận

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn có ý nghĩa to lớn. Tư tưởng này đã và đang là định hướng chính trị cho đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việt Nam đang mở rộng quan hệ quốc tế theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa các

quan hệ, đặc biệt đang coi trọng hợp tác với các nước lớn (trên các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; hợp tác bình đẳng, cùng có lợi; xây dựng môi trường hòa bình, ổn định). Chính sách ngoại giao đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay đã góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính sách ngoại giao đúng đắn đó là kết quả của sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của Hồ Chí Minh về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước lớn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), *Tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.2-13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Đinh Xuân Lý (2004), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 711, Hà Nội.
- [9] Bùi Thị Thảo (2016), *Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với Việt Nam thời kỳ sau chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

